

Bản án số: 169/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 6 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông La Văn Việt
2. Bà Trương Thị Kim Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

**Bị đơn:** Anh Đặng Quốc Đ, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 3 năm 2022 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày:* Chị và anh Đặng Quốc Đ chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh Đặng Quốc Đ không lo làm ăn, dù đã cho nhiều cơ hội nhưng vẫn không sửa đổi. Anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Quốc Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Trung T, sinh ngày 20/6/2014. Con đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, việc nuôi con chung sẽ theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung đồng ý ở với anh Đ chị đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

*Bị đơn anh Đặng Quốc Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:* Anh và chị T cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2017. Cuộc sống hôn nhân bình thường cho đến tháng 01/2022 thì chị T bỏ nhà đi do có mâu thuẫn với gia đình. Anh đã nhiều lần hàn gắn nhưng chị T không quay về. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng và anh vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đặng Huỳnh Trung T, sinh ngày 20/6/2014, con đang sống với anh. Trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Quốc Đ; anh Đ hiện đang thường trú tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

[2]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị Võ Thị Ngọc T cho rằng do cuộc sống không phù hợp, anh Đ không lo làm ăn nên anh chị đã ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị cũng không được chính quyền địa phương giải quyết. Anh Đặng Quốc Đ cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, anh Đặng Quốc Đ không tìm

ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị Võ Thị Ngọc T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Đặng Quốc Đ nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Võ Thị Ngọc T và anh Đặng Quốc Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ các phân tích trên, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ngọc T đối với anh Đặng Quốc Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Võ Thị Ngọc T và anh Đặng Quốc Đ thống nhất có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Trung T, sinh ngày 20/6/2014. Anh Đặng Quốc Đ hiện là người trực tiếp chăm sóc con chung từ tháng 3/2022 đến nay. Tại Bản tự khai, con chung có nguyện vọng sống với ba, chị T cũng có bản tự khai đồng ý giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Đặng Huỳnh Trung T cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về cấp dưỡng: anh Đặng Quốc Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Ngọc T trình bày không có; anh Đặng Quốc Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc T trình bày không có; anh Đặng Quốc Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc T đối với anh Đặng Quốc Đ về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Đặng Quốc Đ.

- Về con chung: Anh Đặng Quốc Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Đặng Huỳnh Trung T, sinh ngày 20/6/2014. Chị Võ Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đặng Quốc Đ không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009988 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Hải An**